

Số: 20/2023/QĐST-HNGĐ

Ngày: 16 - 3 - 2023.

**QUYẾT ĐỊNH**  
**SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**  
**(Về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn)**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

***Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:***

- *Chủ tọa phiên họp:* Ông Mạc Minh Quang - Thẩm phán
- *Thư ký phiên họp:* Bà Lương Thị Ngọc Quỳnh - Thư ký TAND tỉnh Hải Dương.
- Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương tham gia phiên họp: Ông Phạm Văn Quyết - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 54/2023/TLST-HNGĐ ngày 20/02/2023 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn” theo Quyết định mở phiên họp số 62/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06/3/2023, giữa:

***\* Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:***

- Chị **Trương Thị B** - sinh năm 1981, địa chỉ: thôn A T, xã Đ Q, huyện G L, tỉnh Hải Dương.

- Anh **Vũ Văn Đ** (tên gọi khác: Vũ Đình Đ) - sinh năm 1984. Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn A T, xã Đ Q, huyện G L, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú hiện nay: Đài Loan.

- *Người được anh Đ ủy quyền giao nhận văn bản:* Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1955, địa chỉ: Thôn Q B, xã L H, thành phố H D, tỉnh Hải Dương.

Chị B, anh Đ và ông S đều đề nghị giải quyết vắng mặt.

**NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH:**

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai của chị Trương Thị B, anh Vũ Văn Đ và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị B và anh Vũ Văn Đ tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ Q, huyện G L, tỉnh Hải Dương vào ngày 10/12/2001. Sau ngày cưới, vợ chồng tổ chức cuộc sống vui vẻ, hòa thuận tại gia đình nhà bố mẹ đẻ anh Đ cho đến năm 2004 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là vợ chồng không hợp nhau về tính cách, quan điểm sống bất đồng, không tìm thấy tiếng nói chung, nên đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2004. Năm 2008, anh Đ đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, thời gian đầu anh Đ thỉnh thoảng gọi điện về cho chị B và con, sau đó anh Đ gọi điện

về thì hai bên đã xảy ra cãi vã và to tiếng với nhau nên không còn liên lạc, quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa và không ai muốn hàn gắn cuộc sống chung. Nay anh chị B và anh Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên đều làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn để sớm ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Anh chị đều xác định vợ chồng có 01 con chung Vũ Thị P, sinh ngày 30/8/2002 hiện nay đã trên 18 tuổi, trưởng thành, tự lo được cuộc sống riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng.

Về tài sản, vay nợ: Hai bên đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến: Xác định những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị TAND tỉnh Hải Dương công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trương Thị B và anh Vũ Văn Đ (tên gọi khác: Vũ Đình Đ). Về lệ phí: Chấp nhận sự tự nguyện của chị Trương Thị B chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc hôn nhân; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Trương Thị B và anh Vũ Văn Đ đều có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn; anh Đ là người Việt Nam hiện đang sinh sống, làm việc tại nước ngoài nên căn cứ khoản 2 Điều 29, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

Đơn xin ly hôn, giấy ủy quyền, đơn xin giải quyết vắng mặt và bản tự khai của anh Vũ Văn Đ đều được Văn phòng kinh tế văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc xác nhận. Do vậy có căn cứ công nhận các văn bản trên là hợp pháp.

Anh Đ, chị B đều đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên họp giải quyết việc dân sự vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị B và anh Vũ Văn Đ (tên gọi khác: Vũ Đình Đ) kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ Q, huyện G L, tỉnh Hải Dương ngày 10/12/2001. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau ngày cưới, vợ chồng tổ chức cuộc sống vui vẻ, hòa thuận tại gia đình bố mẹ anh Đ cho đến năm 2004 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là vợ chồng không hợp nhau về tính cách, quan điểm sống bất đồng, không tìm thấy tiếng nói chung nên đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2004. Sau đó đến năm 2008, anh Đ đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, còn chị B ở nhà lao động và chăm sóc con chung, thỉnh thoảng anh chị có liên lạc với nhau qua điện thoại nhưng đều

xảy ra cãi vã và to tiếng với nhau nên không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau và không ai muốn hàn gắn cuộc sống chung. Nay chị B và anh Đ đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn để sớm ổn định cuộc sống riêng. Xét mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cần công nhận thuận tình ly hôn của anh chị là phù hợp theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Vũ Thị P, sinh ngày 30/8/2002 hiện đã trên 18 tuổi, trưởng thành và tự lo được cuộc sống riêng nên không phải giải quyết việc nuôi dưỡng.

[4]. Về tài sản: Chị B và anh Đ không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5]. Về lệ phí ly hôn sơ thẩm: Chấp nhận sự tự nguyện của chị B chịu toàn bộ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 29, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, Điều 149, Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trương Thị B và anh Vũ Văn Đ (tên gọi khác: Vũ Đình Đ).

2. Về con chung: Con chung Vũ Thị P, sinh ngày 30/8/2002 hiện đã trên 18 tuổi, trưởng thành nên không phải giải quyết việc nuôi dưỡng.

3. Về tài sản, vay nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về lệ phí: Chị Trương Thị B tự nguyện chịu cả 300.000đ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ theo biên lai thu số AA/2021/0003933 ngày 20/02/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị B đã nộp đủ lệ phí ly hôn.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

#### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Đ Q, huyện G L, tỉnh Hải Dương (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ.

#### **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

**Mạc Minh Quang**